

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-PT

Ngày 17 - 12 - 2021

V/v: “*Kiến xin ly hôn, yêu cầu giải quyết
về con chung và phân chia tài sản chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Văn Sinh

Các Thẩm phán: Ông Hà Việt Toàn, bà Đinh Thị Như Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Biễn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLPT - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về “*Kiến xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung và phân chia tài sản chung*”

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện KBang, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2021/QĐ-PT ngày 01-12-2021 và thông báo thay đổi thời gian đưa vụ án ra xét xử số: 27/TB-TA ngày 09-12-2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974;

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu G, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông G có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

I. Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu G tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 01/10/1997. Quá trình chung sống, giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, xảy ra bất đồng, không tôn trọng

nhau, không có tình cảm với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã và theo bà H thì ông G đã nhiều lần vô cớ đánh bà. Hiện ông bà đã sống ly thân với nhau và bà H đã 02 lần khởi kiện xin ly hôn ra Tòa án. Nay bà H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà ly hôn.

2. Về con chung:

Bà H và ông G có 02 con chung là Nguyễn Đức Minh P, sinh năm 1999 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 06/9/2008. Sau khi ly hôn, do cháu P do đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu M, bà H đề nghị được nuôi cháu cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động, bà yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi cháu với mức 3.000.000 đồng/tháng;

3. Về tài sản chung gồm có:

3.1 Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 25 tại thôn Thống N , xã Sơn L , huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc Giấy CNQSD đất số U623885 của UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/12/2001 đứng tên Nguyễn Hữu G có diện tích là **264m²**; và một phần đất trồng cây hàng năm nằm ngoài Giấy CNQSD diện tích **43,2m²**.

- Đất có tứ cận như sau:

+ *Phần đất 264m²*: Phía Đông giáp phần đất nằm ngoài GCNQSDĐ số: U 623885 dài 08m; phía Tây giáp đường Trường Sơn Đông dài 08m; phía Nam giáp đất ông Q dài 33m; phía Bắc giáp đất ông V dài 33m.

+ *Phần đất 43,2m²*: Phía Đông giáp đất ông Q dài 8m; phía Tây giáp phần đất nằm trong GCNQSDĐ số U 623885 dài 08m; phía Nam giáp đất ông Q dài 5,4m; phía Bắc giáp đất ông V dài 5,4m.

+ Giá trị quyền sử dụng cả 02 phần đất là **634.636.800** đồng.

- Tài sản trên đất được cấp Giấy CNQSD gồm có:

Nhà ở xây cấp IV diện tích 27,7m², tường rào xây diện tích 36,6m², mái tôn khung gỗ diện tích 113,2m², 01 giếng nước và lưới B40 dài 30m; trị giá của tài sản trên đất là **53.562.323** đồng.

3.2. Thửa đất số 135b, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thống N , xã Sơn L , huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc GCNQSDĐ số BC 042183 của UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/6/2010 đứng tên Nguyễn Hữu G có diện tích là **480m²** (trong đó có 150m² đất ở và 330m² đất trồng cây lâu năm);

- Đất có tứ cận: Phía Đông giáp thửa 135c dài 40m; Phía Tây giáp đất ông H1 dài 40m; Phía Nam giáp đất ông S dài 12m; Phía Bắc giáp đường đi Thủy điện Vĩnh Sơn dài 12m.

3.3. Thửa đất số 135c, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thống N , xã Sơn L , huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc Giấy CNQSD số BI710267 của UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 07/5/2012 đứng tên Nguyễn Hữu G và Nguyễn Thị H có diện tích là **150m²** đất trồng cây lâu năm.

- Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông P1 dài 40m; Phía Tây giáp thửa 135b dài 40m; Phía Nam giáp đất ông S dài 2,5m; Phía Bắc giáp đường đi Thủy điện Vĩnh Sơn dài 05m.

* Giá trị chung của cả thửa đất số 135b, 135c, tờ bản đồ số 26) là **263.520.000** đồng.

- Các thửa đất 135b và 135c này nằm cạnh nhau và hiện bà H, ông G gộp sử dụng chung để xây dựng xây công trình vật kiến trúc và trồng cây gồm có: Nhà ở xây cấp IV diện tích 103m²; mái hiên bằng tôn, khung sắt diện tích 91,8m²; nhà tắm xây độc lập diện tích 5,2m²; nhà vệ sinh xây độc lập diện tích 2,6m²; 01 giếng khoan sâu 50m; 03 cây mắc ca, 01 cây mít, 01 cây xoài, 01 cây huỳnh đàn và 01 cây dừa. Trị giá của tài sản và cây trồng trên đất là **378.974.900** đồng.

3.4. Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc GCNQSDĐ số CM 476133 do Sở Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) tỉnh Gia Lai cấp ngày 07/3/2018 đứng tên bà Bùi Thị N (đã được điều chỉnh tại trang 3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu G và bà Nguyễn Thị H) có diện tích là **420m²** đất trồng cây lâu năm.

- Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất gia đình (thửa số 135b) dài 40m; Phía Tây giáp đất bà V dài 40m; Phía Nam giáp đất gia đình dài 10,10m; Phía Bắc giáp đường đi thủy điện Vĩnh Sơn dài 10,90m.

- Giá trị quyền sử dụng đất là **100.800.000** đồng.

3.5. Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc GCNQSDĐ số CM 522129 do Sở TN& MT tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/6/2019 đứng tên Nguyễn Hữu G và Nguyễn Thị H có diện tích là **165m²** (141m² đất ở nông thôn và 24m² đất trồng cây lâu năm), cùng **164,4m²** đất trồng cây lâu năm nằm ngoài GCNQSDĐ số CM 522129 (gọi tắt là thửa 203).

- Đất có tứ cận:

+ **Phần đất 165m²**: Phía Đông giáp phần đất nằm ngoài GCNQSDĐ số CM 522129 dài 06m; Phía Tây giáp đường Trường Sơn Đông dài 06m; Phía Nam giáp đất bà Q dài 27,45m; Phía Bắc giáp đất ông H1 dài 27,75m.

+ **Phần đất 164,4m²**: Phía Đông giáp đất bà Q dài 06m; Phía Tây giáp phần đất nằm trong GCNQSDĐ số CM 522129 dài 06m; Phía Nam giáp đất bà Q dài 27,55m; Phía Bắc giáp đất bà Q dài 27,25m. Cộng trị giá của quyền sử dụng đất là 300.621.600 đồng;

3.6. Các tài sản khác:

- 01 bộ máy khoan giếng, gồm: Máy khoan đã cũ, không rõ nhãn hiệu và máy nổ D16 Cao Phong sản xuất tại Trung Quốc đã cũ; 03 trụ chân đế bằng sắt; 15 cần khoan giếng bằng sắt dài 4,16m/cần; 01 mũi khoan cùng các phụ kiện kèm theo (gọi tắt là 01 bộ máy khoan giếng), trị giá 54.000.000 đồng;

- 01 ti vi hiệu SAMSUNG màn hình phẳng loại 43 inch, đã cũ (gọi tắt là 01 ti vi SAMSUNG) trị giá 4.500.000 đồng;

- 01 tủ lạnh hiệu TOSHIA đã cũ, loại 120L (gọi tắt là 01 tủ lạnh TOSHIA), trị giá 1.350.000 đồng;

- 01 bình lọc nước hiệu SUNHOUSE đã cũ (gọi tắt là 01 bình lọc nước SUNHOUSE), trị giá 1.800.000 đồng;

- 01 máy giặt hiệu PANASONIC đã cũ, loại 13,5kg (gọi tắt là 01 máy giặt PANASONIC), trị giá 3.900.000 đồng;

- 01 máy cày hiệu HINO đã cũ, màu sơn xanh (gọi tắt là 01 máy cày HINO), trị giá 10.000.000 đồng;

- 01 bộ máy làm mộc, gồm: 01 máy liên hoàn độ chế, mặt bào rộng 40cm; 01 máy cưa lọng độ chế và 01 máy tua bin độ chế (gọi tắt là 01 bộ máy làm mộc), trị giá 5.600.000 đồng;

Bà H yêu cầu phân chia tài sản chung trên cho ông G được hưởng một phần theo đề nghị của ông G nhưng được bà chấp nhận, phần bà sẽ không hưởng gì và phần lớn tài sản giao cho 02 con chung là cháu Phúc và cháu Minh được hưởng.

3.7. Đối với số tiền 520.000.000đ gửi tiết kiệm tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai. Nhưng ngày 10/01/2019 bà H đã rút chi dùng hết vào các khoản sau:

- Chi cho con chung là cháu P đi học tại Trường Quân sự Quân khu V ở thành phố Đà Nẵng từ tháng 11/2018 đến tháng 03/2020 mỗi tháng là 2.500.000đồng/tháng, tổng cộng 16 tháng là 40.000.000 đồng; mua cho cháu 01 xe máy Honda WAVE RSX trị giá 23.000.000 đồng.

- Chi cho con chung là cháu M học tại Trường phổ thông dân tộc nội trú Tây Nguyên tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk các khoản nộp do nhà trường thu có chứng từ kèm theo, gồm: Tiền quần áo năm 2019 là 4.800.000 đồng, tiền quần áo năm 2020 là 4.900.000 đồng; các khoản khác năm 2019 và năm 2020 là 100.000.000 đồng; chi thêm cho cháu ăn uống, đồ dùng học tập, tiền giặt quần áo mỗi tháng là 3.000.000 đồng x 12 tháng là 36.000.000 đồng.

- Khi ông bà làm nhà động thổ vào năm 2017, hoàn thành năm 2018 và 2019 do khoản tiền 520.000.000 đồng chưa đến hạn rút nên bà đã phải vay của bà Nguyễn Thị H2, địa chỉ: TDP 7, thị trấn K 190.000.000 đồng; vay của bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Thôn 1, xã Sơn L 64.000.000 đồng để trả các khoản đầu tư xây nhà. Sau đó, bà đã dùng một phần trong số tiền 520.000.000 đồng để trả 02 khoản nợ trên.

* Do đó số tiền 520.000.000 đồng đã chi tiêu hết không còn nên bà không đồng ý phân chia số tiền này.

4. *Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ ai, và không ai nợ.

*** *Tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hữu G trình bày:***

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông thống nhất như bà H trình bày, nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

2. *Về Con chung*: Ông và bà H có 02 người con chung như bà H trình bày. Ông G đề nghị Tòa án giao cháu Minh cho bà H hoặc ông nuôi dưỡng, bên không nuôi dưỡng không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Minh.

3. *Về tài sản chung*: Ông thống nhất như bà H trình bày. Tuy nhiên ông G không đồng ý với phương án phân chia do bà H đưa ra. Ông yêu cầu phân chia tài sản chung trên cho ông và bà H mỗi người được hưởng một nửa tài sản theo hiện vật hoặc theo giá trị.

Riêng đối với số tiền 520.000.000đ gửi tại Ngân hàng bà H tự rút, cất giữ và chi tiêu ông không biết nên ông yêu cầu Tòa án phân chia cho mỗi người một nửa.

4. *Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ ai, và không ai nợ.

II. Quyết định của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 16/2021/HNGĐ-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện KBang, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 33, 51, 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 93, 94, 143, 144, 147, 156, 157, 165, 229, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 207, 210, 213 và 357 của BLDS năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 06/9/2008 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; ông G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M với mức 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 180, tờ bản đồ số 25 tại thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc GCNQSDĐ số U 623885 của UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/12/2001 đứng tên ông G có diện tích là 264m² đất ở với vị trí tứ cận và chỉ số các cạnh cụ thể như sau: Phía Đông giáp phần đất nằm ngoài GCNQSDĐ số: U 623885 dài 08m, phía Tây giáp đường Trường Sơn Đông dài 08m, phía Nam giáp đất ông Q dài 33m, phía Bắc giáp đất ông V dài 33m; và tạm giao cho bà được quyền sử dụng 43,2m² đất trồng cây hàng năm nằm ngoài GCNQSDĐ số U 623885 với vị trí tứ cận và chỉ số các cạnh cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất ông Q dài 8m, phía Tây giáp phần đất nằm trong GCNQSDĐ số: U 623885 dài 08m, phía Nam giáp đất ông Q dài 5,4m và phía Bắc giáp đất ông V dài 5,4m; bà H được quyền sở hữu toàn bộ tài sản và vật kiến trúc trên đất. Tổng trị giá của quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 688.199.000 đồng.

- Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 182, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc GCNQSDĐ số CM 476133 do Sở TN&MT tỉnh Gia Lai cấp ngày 07/3/2018 đứng tên bà Bùi Thị N (đã được điều chỉnh tại trang 3 chuyển nhượng cho ông G và bà H) có diện tích là 420m² đất trồng cây lâu năm với vị trí tứ cận và chỉ số các cạnh cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất gia đình (thửa đất 135b) dài 40m, phía Tây giáp đất bà V dài 40m, phía Nam giáp đất gia đình dài 10,10m và phía Bắc giáp đường đi thủy điện Vĩnh Sơn dài 10,90m; trị giá của quyền sử dụng đất là 100.800.000 đồng.

- Giao cho ông Nguyễn Hữu G được quyền sử dụng thửa đất số 135b, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc GCNQSDĐ số BC 042183 của UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/6/2010 đứng tên

ông G có diện tích là **480m²**, gồm 150m² đất ở và 330m² đất trồng cây lâu năm với vị trí tứ cận và chỉ số các cạnh cụ thể như sau: Phía Đông giáp thửa đất 135c dài 40m, phía Tây giáp đất ông H2 dài 40m, phía Nam giáp đất ông S dài 12m, phía Bắc giáp đường đi Thủy điện Vĩnh Sơn dài 12m; và thửa đất số **135c**, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc GCNQSDĐ số BI 710267 của UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 07/5/2012 đứng tên ông G, bà H có diện tích là **150m²** đất trồng cây lâu năm với vị trí tứ cận và chỉ số các cạnh cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất ông P1 dài 40m, phía Tây giáp thửa đất 135b dài 40m, phía Nam giáp đất ông S dài 2,5m và phía Bắc giáp đường đi Thủy điện Vĩnh Sơn dài 05m; ông G quyền sở hữu toàn bộ tài sản, vật kiến trúc và cây trồng trên đất. Tổng trị giá của quyền sử dụng đất và tài sản, cây trồng trên đất là **642.494.900** đồng.

- Giao cho ông Nguyễn Hữu **G** được quyền sử dụng thửa đất số **203**, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thuộc GCNQSDĐ số CM 522129 do Sở TN& MT tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/6/2019 đứng tên ông G và bà H có diện tích là **165m²** (141m² đất ở nông thôn và 24m² đất trồng cây lâu năm) với vị trí tứ cận và chỉ số các cạnh cụ thể như sau: Phía Đông giáp phần đất nằm ngoài GCNQSDĐ số CM 522129 dài 06m, phía Tây giáp đường Trường Sơn Đông dài 06m, phía Nam giáp đất bà Q dài 27,45m, phía Bắc giáp đất ông H1 dài 27,75m; và tạm giao cho ông G được quyền sử dụng **164,4m²** đất trồng cây lâu năm nằm ngoài GCNQSDĐ số CM 522129 với vị trí tứ cận và chỉ số các cạnh cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất bà Q dài 06m, phía Tây giáp phần đất nằm trong GCNQSDĐ số CM 522129 dài 06m, phía Nam giáp đất bà Q dài 27,55m, phía Bắc giáp đất bà Q dài 27,25m; trị giá của quyền sử dụng đất là 300.621.600 đồng.

Bà H và ông G có nghĩa vụ hoàn tất thủ tục để được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Giao cho ông G được quyền sở hữu các tài sản khác, gồm:

+ 01 bộ máy khoan giếng, gồm: Máy khoan đã cũ, không rõ nhãn hiệu và máy nổ D16 Cao Phong sản xuất tại Trung Quốc đã cũ; 03 trụ chân đế bằng sắt; 15 cần khoan giếng bằng sắt dài 4,16m/cần; 01 mũi khoan cùng các phụ kiện kèm theo, trị giá 54.000.000 đồng ;

+ 01 ti vi hiệu SAMSUNG màn hình phẳng loại 43 inch, đã cũ trị giá 4.500.000 đồng.

+ 01 tủ lạnh hiệu TOSHIA đã cũ, loại 120L, trị giá 1.350.000 đồng;

+ 01 bình lọc nước hiệu SUNHOUSE đã cũ trị giá 1.800.000 đồng;

+ 01 máy giặt hiệu PANASONIC đã cũ, loại 13,5kg trị giá 3.900.000 đồng;

+ 01 máy cây hiệu HINO đã cũ, màu sơn xanh trị giá 10.000.000 đồng;

+ 01 bộ máy làm mộc, gồm: 01 máy liên hoàn độ chế, mặt bào rộng 40cm; 01 máy cưa lọng độ chế và 01 máy tuabin độ chế trị giá 5.600.000 đồng;

- Bà **H** có nghĩa vụ trả lại cho ông **G** một nửa của số tiền **441.035.000** đồng, tương ứng với số tiền là **220.517.500** đồng. Sau khi trừ đi số tiền chênh lệch từ việc phân chia tài sản chung ông **G** phải trả cho bà **H** là **117.633.700** đồng thì bà **H** còn phải trả lại cho ông **G** số tiền là 102.883.800 đồng.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

III. Về kháng cáo:

- Ngày 28/9/2021 bị đơn ông Nguyễn Hữu G kháng cáo với nội dung:

+ Ông không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Đức M mức 2.000.000 đồng/tháng mà chỉ đồng ý với mức **1.500.000 đồng/tháng**.

+ Đề nghị giao cho ông Nguyễn Hữu G quyền sử dụng thửa đất số **180**, tờ bản đồ số 25 tại thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo cấp GCNQSD số U 623885 do UBND huyện Kbang cấp ngày 18/12/2001 và quyền sở hữu tài sản trên đất; Giao cho bà Nguyễn Thị H quyền sử dụng thửa đất số **135b**, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo Giấy CNQSD số BC 042183 do UBND huyện Kbang cấp ngày 30/6/2010; và thửa đất số **135c**, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo Giấy CNQSD số BI 710267 do UBND huyện Kbang cấp ngày 07/5/2012 và quyền sở hữu tài sản trên 02 thửa đất. Với lý do là để phù hợp với nhu cầu chỗ ở và thuận lợi hơn trong việc chuyển nhượng cho người khác khi ông chuyển về quê sinh sống;

- Nguyên đơn không kháng cáo

- Bản án không bị kháng nghị.

IV. Diễn biến tại Phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện; Bị đơn không rút kháng cáo; Các bên không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

- Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm đều thực hiện theo đúng qui định.

+ Về nội dung: Kháng cáo của ông Nguyễn Hữu G là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Hữu G.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện KBang, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; xác định đúng mối quan hệ tranh chấp; quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng qui định pháp luật tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu ly hôn và giao người trực nuôi con chung: Sau khi Bản án sơ thẩm được tuyên các đương sự không kháng cáo. Nên hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2.2]. Xét các nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu G về mức cấp dưỡng nuôi con và chia lại tài sản chung thấy rằng:

[2.2.1]. Ông G đề nghị giảm mức cấp dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đức M từ 2.000.000đ/tháng xuống còn 1.500.000đ/tháng. Nhưng xét thấy ông và bà H

có 02 người con chung là cháu Nguyễn Đức Minh P, sinh năm 1999 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 06/9/2008. Do cháu P do đã thành niên, có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con chung đối với cháu P. Chỉ còn cháu M là chưa thành niên, hiện đang theo học nội trú tại Trường phổ thông dân tộc nội trú Tây Nguyên (Đắk Lắk) với mức chi phí khoảng 4.000.000 đồng/tháng. Ông G khai ông là người có khả năng lao động đang làm nghề khoan giếng và nghề mộc, mức thu nhập từ 3.500.000đ đến 4.000.000đ/tháng. Nên Tòa cấp sơ thẩm buộc ông G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là cháu Mh 2.000.000đ/tháng là có căn cứ, phù hợp với nhu cầu cuộc sống và học tập thực tế của cháu M.

- Đối với kháng cáo về chia lại tài sản chung:

Cả bà H và ông G đều thống nhất về số lượng, chủng loại và trị giá tài sản chung theo như Bản án sơ thẩm xác định. Ông G không kháng cáo về phần phân chia các tài sản khác và không kháng cáo về giá trị tài sản được chia, mà chỉ kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm chia hoán đổi lại tài sản: Giao cho ông được quyền sử dụng thửa đất số 180, tờ bản đồ số 25 tại thôn Thống N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ số U 623885 ngày 18/12/2001 và quyền sở hữu tài sản trên đất; giao cho bà H quyền sử dụng thửa đất số 135b, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thống Nt, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ số BC 042183 ngày 30/6/2010 và thửa đất số 135c, tờ bản đồ số 26 tại thôn Thông N, xã Sơn L, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai được UBND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cấp GCNQSDĐ số BI 710267 ngày 07/5/2012 và quyền sở hữu tài sản trên đất. Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Khi phân chia tài sản chung Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nhu cầu thực tế việc sử dụng tài sản của các bên. Đối với căn nhà và thửa đất số **180** từ khi ly thân bà H là người trực tiếp quản lý, sử dụng làm nơi lưu trú, bà H cũng có nguyện vọng được nhận tài sản này **vì gần nơi làm** việc thuận tiện cho công việc đặc thù làm ngành y tế phải thường xuyên đi lại trực đêm tại cơ quan. Đối với nhà, và tài sản gắn liền với các thửa số 135b, 135c từ trước đến nay do ông G sử dụng. Lý do ông G kháng cáo yêu cầu được nhận nhà, đất thuộc thửa số 180 không phải vì nhu cầu chỗ ở mà để thuận lợi hơn cho việc chuyển nhượng khi ông chuyển về quê sinh sống. Xét lý do ông G đưa ra là không chính đáng. Do đó kháng cáo của ông Nguyễn Hữu G là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu G. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 16/2021/HNGĐ-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện KBang, tỉnh Gia Lai.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã tạm nộp tạm ứng tại biên lai số: 0003869 ngày 28/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện KBang, tỉnh Gia Lai. Ông G đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện KBang;
- Chi cục THADS huyện KBang;
- Đương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sinh